



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): 26H 2075/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Bộ chung cất mẫu

Kiểu (Type): SYD-0615-1 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): ZZ0061512303004

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0-550) °C

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
MINH CHÂU

Địa chỉ (Address): 88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M – 02.19
Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Thiết bị đo nhiệt độ hiện số Fluke 52 II
Độ không đảm bảo đo, $U = 0,15^{\circ}\text{C}$

Kết quả (Results):

Giá trị chuẩn (°C)	50.00	100.00	150.00	200.00	250.00	300.00	350.00	400.00
Giá trị hiển thị (°C)	49.80	100.20	149.50	199.30	249.40	299.30	249.80	399.00
Số hiệu chỉnh (°C)	0.20	-0.20	0.50	0.70	0.60	0.70	0.20	1.00

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(26 \pm 2)^{\circ}\text{C}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

03 – 04 – 2027

Hà Nội, Ngày 03 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)

Hoàng Tiến Dũng



PGĐ. Cao Văn Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)**

Số (Số): 26H 2076/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so – Thiết bị đo chiều dày vải địa

Kiểu (Type): 1706D0011 Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 1706-9-2031

Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 12,7) mm; d = 0,001 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
MINH CHÂU**

Địa chỉ (Address): 88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75:2001

Đồng hồ đo biến dạng - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so

BM1-103-2 - Bộ căn mẫu song phẳng ; U = (0,1 + 2.L) μm, [L]:m

Kết quả (Results):
*. Nhiệt độ hiệu chuẩn: (26 ± 2) °C.
*. Sai số thành phần: ± 6 μm. Độ hồi sai: ± 2 μm.
*. Với độ không đảm bảo đo: U = (5,8 + 6.2.L) μm. L tính bằng m, k=2, mức tin cậy ≈ 95%.

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 03 – 04 – 2027

Hà Nội, Ngày 03 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)


Hoàng Tiến Dũng


PGD Cao Văn Hùng





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): 26H 2078 /MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Bộ đo và điều khiển nhiệt độ tủ sấy

Kiểu (Type): 101-2A Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 24177

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (10-300) °C
Độ phân giải 1°C

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
MINH CHÂU

Địa chỉ (Address): 88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng

Nơi hiệu chuẩn (Calibration address): Đồng Kho, xã Hạ Bằng, Hà Nội

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M – 02.19
Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Thiết bị đo nhiệt độ hiện số Fluke 52 II
Độ không đảm bảo đo, $U = 0,15^{\circ}\text{C}$

Kết quả (Results):

Giá trị chuẩn (°C)	50.00	100.00	150.00	200.00	250.00
Giá trị hiển thị (°C)	49.70	99.50	148.20	199.50	249.50
Số hiệu chỉnh (°C)	0.30	0.50	1.80	0.50	0.50

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 03 – 04 – 2027

Hà Nội, Ngày 03 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)



PGĐ. Cao Văn Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): 26H 2080 /MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so

Kiểu (Type): MC10000006 Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): 9916748

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): $(0 \div 10)$ mm; $d = 0,01$ mm

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY
DỰNG MINH CHÂU**

Địa chỉ (Address): 88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75:2001

Đồng hồ đo biến dạng - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so

BM1-103-2 - Bộ căn mẫu song phẳng ; $U = (0,1 + 2.L) \mu\text{m}$, [L]:m

Kết quả (Results):
*. Nhiệt độ hiệu chuẩn: $(26 \pm 2) ^\circ\text{C}$.
*. Sai số thành phần: $\pm 17 \mu\text{m}$. Độ hồi sai: $\pm 9 \mu\text{m}$.
*. Với độ không đảm bảo đo: $U = (5,8 + 6.2.L) \mu\text{m}$. L tính bằng m, $k = 2$,
mức tin cậy $\approx 95\%$.

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 03 - 04 - 2027

Hà Nội, Ngày 03 tháng 04 năm 2026
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)


Hoàng Tiên Dũng




PGD Cao Văn Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): 26H 2081 /MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so

Kiểu (Type): MC10000006 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 8511642

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 10) mm; d = 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY
DỰNG MINH CHÂU**

Địa chỉ (Address): 88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75:2001

Đồng hồ đo biến dạng - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so

BM1-103-2 - Bộ căn mẫu song phẳng ; U = (0,1 + 2.L) μm, [L]:m

Kết quả (Results):
*. Nhiệt độ hiệu chuẩn: (26 ± 2) °C.
*. Sai số thành phần: ± 15 μm. Độ hồi sai: ± 6 μm.
*. Với độ không đảm bảo đo: U = (5,8 + 6.2.L) μm. L tính bằng m, k =2,
mức tin cậy ≈ 95%.

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 03 – 04 – 2027

Hà Nội, Ngày 03 tháng 04 năm 2026
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)


Hoàng Tiến Dũng


PGD. Cao Văn Hùng





**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)**

Số (№): 26H 2082 /MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so

Kiểu (Type): MC10000006 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 9419767

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): $(0 \div 10)$ mm; $d = 0,01$ mm

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY
DỰNG MINH CHÂU**

Địa chỉ (Address): 88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75:2001

Đồng hồ đo biến dạng - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so

BM1-103-2 - Bộ căn mẫu song phẳng ; $U = (0,1 + 2.L)$ μm , [L]:m

Kết quả (Results):
*. Nhiệt độ hiệu chuẩn: (26 ± 2) °C.
*. Sai số thành phần: ± 12 μm . Độ hồi sai: ± 5 μm .
*. Với độ không đảm bảo đo: $U = (5,8 + 6.2.L)$ μm . L tính bằng m, $k = 2$,
mức tin cậy $\approx 95\%$.

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 03 - 04 - 2027

Hà Nội, Ngày 03 tháng 04 năm 2026
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)

Hoàng Tiến Dũng



PGD. Cao Văn Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (№): 26H 2084 /MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Lò nung

Kiểu (Type): SX2-5-12 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 35502

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0-1200) °C

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
MINH CHÂU

Địa chỉ (Address): 88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M – 02.19:2019

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.08 - Đầu đo nhiệt độ chuẩn

Độ không đảm bảo đo, $U = 0,15^{\circ}\text{C}$

Kết quả (Results):

Giá trị chuẩn (°C)	100.00	200.00	400.00	600.00	800.00	1000.000
Giá trị hiển thị (°C)	101.00	202.00	402.00	599.00	798.00	1001.00
Số hiệu chỉnh (°C)	1.00	-2.00	-2.0	1.00	2.00	-1.00

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

03 – 04 – 2027

Hà Nội, Ngày 03 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)


Hoàng Tiên Dũng

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): 26H 2085/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object):

Bể ổn nhiệt

Kiểu (Type): T16119

Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số):

150418

Nơi sản xuất (Manufacturer):

Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (0 – 100°C);

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
MINH CHÂU

Địa chỉ (Address):

88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

MB.M – 02.19

Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

MB.TB2.08 - Đầu đo nhiệt độ chuẩn

Độ không đảm bảo đo, $U = 0,12\%$ ($k = 2$; $P \approx 95\%$) được liên kết
chuẩn với VMI

Kết quả (Results):

Giá trị cài đặt (°C)	Giá trị chuẩn (°C)	Giá trị hiển thị (°C)	Số hiệu chỉnh (°C)
60,0	60,0	59,95	+0,05

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: $(24 \pm 2)^\circ\text{C}$

(The equipment has been calibrated at the temperature of $(26 \pm 2)^\circ\text{C}$)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

03 – 04 – 2027

Hà Nội, Ngày 03 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật

(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC

(On behalf of Director)



PGĐ. Cao Văn Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): 26H 2086 /MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Cân đĩa điện tử
Kiểu (Type): PR224/E Số (Serial Số) / Mã QL(Tag C347194202
Nơi sản xuất (Manufacturer): Mỹ
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Mức cân lớn nhất $P_{max}=220$ g
Giá trị độ chia nhỏ nhất; $d=0.0001$ g
Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG MINH CHÂU
Địa chỉ (Address): 88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M-01.19
Chuẩn được sử dụng (Standards used) Bộ quả cân F1 kiểu 1-2-2-5 được liên kết chuẩn với Cục Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng

Kết quả (Results):

TT	Khối lượng danh định (g)	Chỉ thị thực tế (g)	Số hiệu chỉnh (g)
1	0.0000	0.0000	0.0000
2	50.0000	50.0000	0.0000
3	100.0000	100.0001	-0.0001
4	200.0000	200.0000	0.0000

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (24 ± 2) °C, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 03 – 04 – 2027
Hà Nội, Ngày 03 tháng 04 năm 2026
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)


Hoàng Tiến Dũng


PGĐ. Cao Văn Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): 26H 2087 /MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Cân đĩa điện tử
Kiểu (Type): KD-TBED-300 Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): E307027023
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Mức cân lớn nhất $P_{max}=300$ g
Giá trị độ chia nhỏ nhất; $d=0.01$ g
Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
MINH CHÂU
Địa chỉ (Address): 88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M-01.19
Chuẩn được sử dụng (Standards used) Bộ quả cân F1 kiểu 1-2-2-5 được liên kết chuẩn với Cục
Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng

Kết quả (Results):

TT	Khối lượng danh định (g)	Chỉ thị thực tế (g)	Số hiệu chỉnh (g)
1	0.00	0.00	0.00
2	50.00	50.00	0.00
3	100.00	100.01	-0.01
4	200.00	200.00	0.00

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (24 ± 2) °C, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 03 – 04 – 2027
Hà Nội, Ngày 03 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

TM GIÁM ĐỐC

(On behalf of Director)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng



PGĐ. Cao Văn Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): 26H 2088 /MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Cân đĩa điện tử

Kiểu (Type): GC-17 Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 2510267

Nơi sản xuất (Manufacturer): Đài Loan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Mức cân lớn nhất $P_{max}=15\text{kg}$
Giá trị độ chia nhỏ nhất; $d=0.5\text{g}$

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY
DỰNG MINH CHÂU

Địa chỉ (Address): 88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M-01.19

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.05 - Bộ quả cân cấp chính xác F1; F2

Kết quả (Results):

TT	Khối lượng danh định (g)	Khối lượng hiển thị (g)	Số hiệu chỉnh (g)
1	0.0	0.0	0.0
2	5000.0	5000.0	0.0
3	10000.0	10000.0	0.0
4	15000.0	15000.0	0.0

Nhiệt độ hiệu chuẩn $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

03 – 04 – 2027

Hà Nội, Ngày 03 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)


Hoàng Tiến Dũng





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): 26H 1703 /MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Cân đĩa điện tử

Kiểu (Type): GC-17 Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 2510281

Nơi sản xuất (Manufacturer): Đài Loan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Mức cân lớn nhất $P_{max}=15kg$
Giá trị độ chia nhỏ nhất; $d=0.5g$

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY
DỰNG MINH CHÂU

Địa chỉ (Address): 88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M-01.19

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.05 - Bộ quả cân cấp chính xác F1; F2

Kết quả (Results):

TT	Khối lượng danh định (g)	Khối lượng hiển thị (g)	Số hiệu chỉnh (g)
1	0.0	0.0	0.0
2	5000.0	5000.0	0.0
3	10000.0	10000.5	-0.5
4	15000.0	15000.0	0.0

Nhiệt độ hiệu chuẩn $(24 \pm 2)^{\circ}C$

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

03 - 04 - 2027

Hà Nội, Ngày 03 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

TM GIÁM ĐỐC
(On behalf of Director)

Hoàng Tiến Dũng



PGD. Cao Văn Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG
MIỀN BẮC (ĐK 420)
(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
(Calibration Certificate)

Số (Số): 26H 1704 /MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Cân đĩa điện tử

Kiểu (Type): GC-17 Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 2510272

Nơi sản xuất (Manufacturer): Đài Loan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Mức cân lớn nhất $P_{max}=15\text{kg}$
Giá trị độ chia nhỏ nhất; $d=0.5\text{g}$

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ KIỂM ĐỊNH XÂY
DỰNG MINH CHÂU

Địa chỉ (Address): 88 Nguyễn Tất Thành, Phường Hội An Tây, Thành phố Đà Nẵng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M-01.19

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.05 - Bộ quả cân cấp chính xác F1; F2

Kết quả (Results):

TT	Khối lượng danh định (g)	Khối lượng hiển thị (g)	Số hiệu chỉnh (g)
1	0.0	0.0	0.0
2	5000.0	5000.0	0.0
3	10000.0	10000.0	0.0
4	15000.0	15000.0	0.0

Nhiệt độ hiệu chuẩn $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

03 – 04 – 2027

Hà Nội, Ngày 03 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật
(Head of technical)

TM GIÁM ĐỐC

(On behalf of Director)


Hoàng Tiến Dũng


PGD. Cao Văn Hùng